

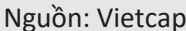
Bản tin Phân tích kỹ thuật

12/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570



Nhận định:

- 4111G3000 giảm điểm đầu ngày nhưng dao động đi ngang trong suốt thời gian còn lại. (M15)
- Dự báo hoạt động mua sẽ gia tăng và góp phần hình thành một nhịp tăng điểm kiểm định lại khu vực 1.880 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa vượt đường MA20 (1.857 điểm).

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.857 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.882 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.846 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



Nguồn: Vietcap

- VN-Index mất điểm bởi phần lớn cổ phiếu vốn hóa lớn điều chỉnh trong phiên 12/03. Tuy nhiên, các chỉ số thoái lui trên mức thanh khoản giảm cho thấy áp lực bán được tiết chế. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tiêu cực vẫn giữ trên tất cả các rổ chỉ số.
- Về diễn biến trong ngày, hoạt động bán dần trải trên nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ, Dầu khí nhưng áp lực không cao. Ngược lại, nhóm DV Tiện ích, Công nghiệp, Vật liệu nhận được sự gia tăng từ lực cầu vùng cao. Về tín hiệu kỹ thuật, xu hướng giảm chiếm 73% cổ phiếu Ngân hàng, 68% cổ phiếu Bất động sản, 53% cổ phiếu Chứng khoán.
- Áp lực bán thấp trong phiên 12/03 giúp VN-Index giữ được tính chất của giai đoạn hồi phục kỹ thuật ngắn hạn. Do đó, chỉ số vẫn có thể tiếp cận được khu vực 1.745-1.750 điểm. Tuy nhiên, xác suất đang nghiêng về phía VN-Index giảm trở lại ngay sau đó về vùng 1.600-1.630 điểm bởi tín hiệu xu hướng giảm đã phát tán trên diện rộng nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán,... Khuyến nghị giảm tỷ trọng các vị thế ngắn hạn quanh vùng 1.745-1.750 điểm.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	98,700	-4.17%	-17.54%	238,158	-2.186	4,730	3.6	20.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	37,800	4.56%	6.18%	189,276	1.899	1,036	3.1	36.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	145,000	-0.68%	-12.01%	1,117,374	-1.682	1,739	7.5	83.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	30,000	-3.54%	-6.83%	212,587	-1.653	3,577	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,750	-2.28%	-8.22%	286,120	-1.433	4,279	1.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,300	-2.28%	-5.25%	266,406	-1.335	4,454	1.5	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	140,400	-3.17%	-6.46%	181,742	-1.267	5,519	10.1	25.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	53,100	-4.50%	-11.50%	122,745	-1.213	2,713	2.8	19.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	25,750	-2.65%	-4.63%	204,299	-1.188	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,800	-0.99%	-4.32%	499,669	-1.091	4,210	2.2	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,800	-2.19%	-1.65%	205,702	-0.990	2,013	1.6	13.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBB	26,250	-2.05%	-2.96%	211,444	-0.954	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FPT	77,700	-3.12%	-7.94%	132,363	-0.907	5,511	3.6	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	80,300	2.82%	6.36%	144,002	0.892	615	3.9	130.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	152,800	-4.32%	-2.30%	90,398	-0.859	3,728	3.6	41.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	80,000	6.95%	2.56%	71,983	1.601	17,478	4.1	4.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	43,500	-3.33%	-14.71%	22,247	-0.237	3,560	1.5	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	16,700	-4.02%	-15.23%	15,021	-0.193	1,501	1.2	11.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	24,700	-3.52%	-13.33%	16,482	-0.185	1,884	2.1	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	44,900	2.28%	0.22%	17,039	0.124	5,090	2.6	8.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KSV	159,100	-1.18%	-8.56%	31,820	-0.120	10,115	6.2	15.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HUT	16,000	-1.84%	0.63%	17,093	-0.101	434	1.6	36.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	78,200	-1.51%	-6.24%	18,318	-0.089	4,709	2.2	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	58,200	-2.02%	-7.03%	9,954	-0.064	5,805	2.4	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,100	-0.89%	-3.48%	21,363	-0.061	0	1.6	188,505.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

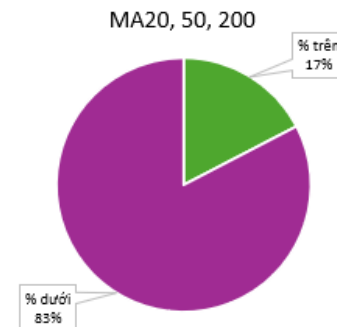
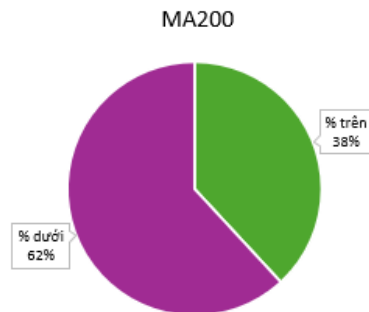
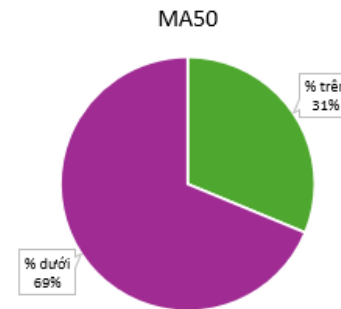
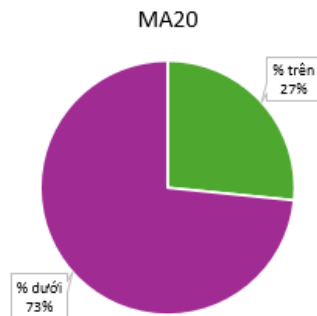
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	84,600	-4.51%	-13.14%	259,333	-0.215	3,063	6.3	27.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	55,100	9.98%	26.67%	58,129	0.107	10	4.8	5,145.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MVN	49,100	-8.40%	-22.19%	60,348	-0.093	1,624	4.3	30.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DNH	52,500	14.38%	-2.78%	22,176	0.059	2,227	3.9	23.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACV	49,300	-1.20%	-4.46%	176,659	-0.039	3,026	2.5	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	73,900	-3.78%	1.23%	55,073	-0.038	4,627	5.1	16.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CC1	30,000	-7.12%	-16.67%	12,189	-0.016	588	2.8	52.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	275,000	3.77%	7.67%	17,092	0.012	2,836	5.2	97.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VSF	29,000	-3.33%	-2.03%	14,830	-0.009	57	6.4	520.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VFC	90,500	14.85%	14.85%	3,059	0.008	627	4.6	144.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	55,100	10.0%	234.1	151.4	13,300	50,900	4.8	5,145.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCM	50,200	4.3%	471.2	272.0	23,801	50,000	2.5	13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPM	34,000	6.9%	744.6	339.1	15,411	31,800	2.0	21.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	151,400	7.0%	49.2	22.4	15,808	141,500	5.0	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ILS	36,300	6.1%	17.4	1.7	12,100	35,000	4.2	81.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCG	22,750	6.8%	972.1	209.1	16,263	28,600	1.3	3.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			12/03/2026	11/03/2026	10/03/2026	09/03/2026	06/03/2026	05/03/2026	04/03/2026	03/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	32%	33%	30%	25%	38%	40%	43%	45%
		Dưới	68%	67%	70%	75%	62%	60%	57%	55%
	MA50	Trên	25%	27%	19%	16%	35%	38%	39%	42%
		Dưới	75%	73%	81%	84%	65%	62%	61%	58%
	MA20	Trên	18%	20%	13%	9%	28%	32%	34%	38%
		Dưới	82%	80%	87%	91%	72%	68%	66%	62%
VN30	MA200	Trên	43%	43%	43%	30%	57%	60%	67%	67%
		Dưới	57%	57%	57%	70%	43%	40%	33%	33%
	MA50	Trên	7%	17%	13%	13%	27%	33%	33%	37%
		Dưới	93%	83%	87%	87%	73%	67%	67%	63%
	MA20	Trên	7%	10%	7%	3%	20%	30%	30%	33%
		Dưới	93%	90%	93%	97%	80%	70%	70%	67%
HNX	MA200	Trên	42%	39%	36%	33%	42%	43%	43%	46%
		Dưới	58%	61%	64%	67%	58%	57%	57%	54%
	MA50	Trên	39%	36%	31%	27%	39%	40%	41%	45%
		Dưới	61%	64%	69%	73%	61%	60%	59%	55%
	MA20	Trên	42%	39%	36%	33%	42%	43%	43%	46%
		Dưới	58%	61%	64%	67%	58%	57%	57%	54%
UPCOM	MA200	Trên	27%	28%	25%	24%	32%	31%	33%	34%
		Dưới	73%	72%	75%	76%	68%	69%	67%	66%
	MA50	Trên	32%	32%	30%	28%	36%	36%	36%	37%
		Dưới	68%	68%	70%	72%	64%	64%	64%	63%
	MA20	Trên	39%	39%	38%	35%	42%	42%	42%	42%
		Dưới	61%	61%	62%	65%	58%	58%	58%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 3										Tháng 2									
	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27	26	25	24	23	13	12	11	10	09	06
1 Dầu khí	80	78	77	83	90	91	93	92	85	89	86	85	85	78	81	80	80	82	85	85
2 Y tế	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61	62	68	64	53	51	48	44	43	52	51
3 Hóa chất	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75	75	73	65	57	57	57	58	60	64	67
4 Điện, nước & xăng d...	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64	62	61	59	54	55	55	55	60	63	63
5 Hàng cá nhân & Gia ...	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74	74	72	71	67	65	65	64	62	69	73
6 Tài nguyên Cơ bản	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71	72	65	60	58	55	53	53	57	59	65
7 Hàng & Dịch vụ Côn...	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67	64	68	64	56	55	55	53	55	60	63
8 Bán lẻ	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88	88	88	82	76	81	79	75	75	78	80
9 Dịch vụ tài chính	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61	63	62	53	49	36	34	32	32	33	39
10 Ô tô và phụ tùng	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59	61	61	59	52	50	50	46	46	46	50
11 Thực phẩm và đồ uố...	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57	63	62	60	53	56	55	55	59	62	63
12 Xây dựng và Vật liệu	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61	64	62	58	50	48	48	47	51	49	50
13 Ngân hàng	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62	64	59	55	52	46	46	41	40	42	46
14 Bảo hiểm	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63	70	70	68	56	62	66	65	65	70	74
15 Du lịch và Giải trí	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43	46	51	47	39	38	38	33	31	32	35
16 Bất động sản	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37	38	39	35	32	34	36	31	28	26	29
17 Công nghệ Thông tin	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33	34	36	36	39	44	48	47	54	56	55

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BSR	37,800	4.6%	6.2%	189,276	3.1	36.5	1,036	643.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	55,100	10.0%	26.7%	58,129	4.8	5,145.1	10	234.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCM	50,200	4.3%	5.2%	26,576	2.5	13.6	3,702	471.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPM	34,000	6.9%	11.5%	23,117	2.0	21.5	1,579	744.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVF	14,700	2.1%	9.7%	11,180	1.1	12.5	1,176	326.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	24,000	-1.6%	-1.4%	10,278	2.4	30.9	777	7.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
GEG	16,500	6.8%	8.9%	5,912	1.3	9.9	1,663	80.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VVS	151,400	7.0%	16.5%	3,259	5.0	10.0	15,160	49.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LAS	20,300	8.0%	7.4%	2,291	1.6	14.0	1,455	88.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PAT	87,700	2.0%	6.0%	2,203	3.7	6.3	13,900	5.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PAC	25,850	6.8%	7.3%	1,802	1.8	15.3	1,688	56.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PVC	19,200	5.5%	-4.0%	1,559	1.6	57.4	334	78.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ILS	36,300	6.1%	10.0%	1,306	4.2	81.9	443	17.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	7,100	-1.4%	-4.1%	807	0.7	28.7	247	21.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NBC	11,300	9.7%	7.6%	418	0.8	10.2	1,108	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	65,700	-0.9%	1.2%	123,859	2.1	20.9	3,150	402.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCK	30,400	-0.3%	-5.2%	74,022	2.6	18.8	1,613	71.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PNJ	117,900	-0.9%	1.6%	40,221	3.0	14.1	8,353	116.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TIN	135,000	0.0%	-1.7%	11,624	5.8	10.8	11,764	5.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QTP	13,100	2.3%	0.8%	5,829	1.0	5.5	2,336	10.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FPT	77,700	-3.1%	-7.9%	132,363	3.6	14.1	5,511	995.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	13,050	-0.8%	-4.4%	22,390	1.0	5.4	2,438	17.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	27,900	-1.9%	-12.7%	9,667	2.2	24.0	1,161	20.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	29,650	-1.8%	-6.9%	6,906	2.2	17.5	1,700	7.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	23,550	-1.9%	-9.6%	2,639	1.1	9.8	2,402	43.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,480	-1.8%	-8.2%	2,463	0.5	37.1	148	50.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,690	-1.0%	-6.1%	2,450	0.5	32.1	177	18.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	17,950	-0.6%	-5.5%	1,976	1.5	15.3	1,172	8.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,800	-1.0%	-4.3%	499,669	2.2	14.2	4,210	372.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,000	-3.5%	-6.8%	212,587	1.3	8.4	3,577	548.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,750	-2.6%	-4.6%	204,299	1.2	8.5	3,024	330.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	41,100	-1.4%	-4.1%	122,777	2.6	10.8	3,824	88.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	29,150	-3.6%	-13.0%	72,615	2.3	14.6	1,994	1,297.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	22,900	-1.9%	-7.5%	71,253	11.8	7.8	2,947	47.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	55,300	-1.8%	-6.3%	57,236	2.5	16.4	3,371	30.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	43,750	-2.3%	-4.2%	56,112	2.7	12.7	3,449	36.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,550	-0.3%	-2.6%	47,085	1.2	8.5	1,938	34.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	16,050	-2.4%	-5.9%	44,523	1.1	6.0	2,660	212.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	10,700	-1.4%	-4.5%	28,495	0.8	7.1	1,513	16.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,550	-2.1%	-12.4%	25,194	1.2	12.5	1,328	167.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,180	0.00%	-5.07%	13,600	120.1%	581	0.6	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	11,850	6.76%	6.28%	20,000	80.2%	862	0.6	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	13,800	-0.36%	-2.13%	24,000	73.3%	229	1.1	60.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,900	0.19%	5.08%	45,800	70.6%	1,805	1.0	14.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	25,600	-0.58%	-4.30%	43,700	69.7%	943	1.6	27.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,250	-0.33%	3.04%	25,500	66.7%	353	1.2	43.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	34,350	1.03%	-4.45%	54,000	58.8%	1,638	1.7	21.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	77,700	-3.12%	-7.94%	116,600	45.4%	5,511	3.6	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,750	-2.65%	-4.63%	38,000	43.7%	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,150	-0.22%	-1.70%	33,300	43.5%	3,042	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,800	-1.32%	-5.40%	42,400	40.4%	1,917	1.7	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,800	-0.22%	-3.17%	64,100	39.7%	3,130	2.4	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,800	0.56%	-4.04%	24,600	39.0%	3,200	1.2	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,100	0.14%	-2.92%	101,200	38.6%	2,710	3.0	27.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	42,700	-0.70%	-5.64%	58,700	36.5%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,700	-1.76%	-5.38%	23,100	35.9%	1,726	0.9	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	29,150	-3.64%	-12.99%	40,800	34.9%	1,994	2.3	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	32,000	0.63%	-3.32%	42,500	33.6%	2,500	1.2	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,000	-3.54%	-6.83%	41,500	33.4%	3,577	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	28,200	3.30%	1.47%	37,000	33.1%	1,907	1.5	14.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn